

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-PT
Ngày 14/02/2020
V/v tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất và hủy một phần
giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Trương Tổ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, về “tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST, ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 267/2019/QĐ-PT ngày 18/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: đường Trương Công Đ, khóm f, phường b, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2018).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Út T, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phạm Thị Út Thêm: ông Nguyễn Văn U (Có mặt).

Địa chỉ: ấp b, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ủy ban nhân dân thị xã Ngã N. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh H - Trưởng phòng tài nguyên và Môi trường thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm c, phường a, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng.

Những người làm chứng:

1. Ông Hồ Văn Tựu, sinh năm 1930 (vắng mặt)
2. Bà Phùng Thị Hóa, sinh năm 1962 (vắng mặt)
3. Bà Lê Thị Bê, sinh năm 1963 (vắng mặt)
4. Ông Nguyễn Văn Sáng, sinh năm 1949 (vắng mặt)
5. Ông Kiều Văn Bé, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* bà Phạm Thị Hồng H là nguyên đơn và ông Lê Văn Ng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H trình bày: Trước đây bà H và ông Ng là vợ chồng đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo Quyết định công nhận thỏa thuận ly hôn số 18 ngày 10/7/1998. Theo quyết định ly hôn thì phần tài sản Tòa án quyết định chia phần đất 03 hecta chia đều cho hai người mỗi người 15.000 m². Sau khi ly hôn thì ông Ng khó khăn về kinh tế và nuôi con nên bà H cho ông Ng mượn lại phần đất 15.000 m² để kiếm tiền nuôi con khi nào cần sẽ lấy lại. Trong lúc giải quyết tranh chấp tại bản án số 27/2017/DS-ST, ngày 27/07/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã N giữa bà Phạm Thị Út T với bà H thì bà H phát hiện ra phần đất cho ông Ng mượn canh tác thì bà T đã đăng ký quyền sử dụng đất, sự việc đã yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

Khi bà H cho ông Ng mượn lại 15.000 m² thì không có ai chứng kiến chỉ có bà H và ông Ng biết, bà H không yêu cầu ông Ng có trách nhiệm trả đất hay trả giá trị đất lại cho bà H mà chỉ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T để bà T trả lại đất cho bà H và theo Biên bản lấy lời khai của ông Ng ngày 11/9/2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Ngã N thì bà H không thống nhất vì lời trình bày này khác với biên bản xác minh ở xã mà bà H đã cung cấp cho Tòa án, khi đó ông Ng có thừa nhận phần đất 15.000 m² của bà Hoa có cho bà T mượn canh tác khi nào bà H cần thì bà T trả lại. Nay bà Phạm Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Phạm Thị Út T trả lại cho bà H phần đất 14.999m² (theo diện tích đo đạc thực tế của Tòa án), nằm trong thửa đất số 502, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 18/QĐTTLH ngày 10/7/1998 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA953857 do UBND thị xã Ngã N cấp ngày 07/8/2015, thuộc thửa đất số 502, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng để trả lại cho bà H 14.999m² (theo diện tích đo đạc thực tế của Tòa án), do bà Phạm Thị Út T đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời bà H đồng ý trả lại giá trị các cây trồng trên phần đất tranh chấp cho bà T theo định giá của Tòa án.

Đến ngày 31/01/2019 bà Phạm Thị Hồng H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Lê Văn Ng phải có nghĩa vụ cùng bà Phạm Thị Út T trả lại cho bà H phần đất nêu trên.

Bị đơn bà Phạm Thị Út T trình bày: Phần đất tranh chấp bà Phạm Thị Út T sang của ông Lê Văn Ng vào ngày 07/4/2001, có lập tờ sang đất với giá là 06 lượng vàng 24K. Lúc sang bà Thêm có hỏi ông Ng có phải đất của bà H hay không thì ông Ng nói là đất của ông Ng, đất của bà H được chia khi ly hôn thì bà H đã bán hết cho bà Lê Thị B gần 20 công trong đó có phần đất 15.000 m² được chia khi ly hôn. Phần đất Tòa án nhân dân thị xã Ngã N xét xử vào năm 2017 là phần đất khác không liên quan gì đến phần đất 15.000 m². Lúc bà T sang đất của ông Ng có một số người chứng kiến xác nhận trong giấy sang mà bà T đã cung cấp cho Tòa án và quá trình giải quyết các nhân chứng trong đó có ông Nguyễn Văn S là Trưởng ban nhân dân ấp Long T xác nhận và trực tiếp chứng kiến việc sang bán giữa các bên. Ngoài ra, trước khi sang đất thì bà T có hỏi ý kiến bà H, bà H nói đất của ông Ng đã chia khi ly hôn không liên quan bà H nên khi ông Ng sang cho bà T thì bà H không ký tên. Nay bà T không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà H vì đất là của bà T sang của ông Ng và hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng trình bày: Ông thừa nhận sau khi thỏa thuận ly hôn với bà H tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thì bà H có giao lại cho ông phần đất 15.000m² mua của của ông Kiều Văn C (đã chết) để ông canh tác. Ông chia phần đất này ra làm 02 phần, 01 phần dùng để nuôi cá khoảng 6-7 công tầm lớn, phần này hiện nay ông đã giao lại cho ông Phạm Văn G (chết) do bà Lê Thị B (vợ ông Giàu) đang canh tác và đã được cấp quyền sử dụng đất. Phần còn lại ông trồng lúa diện tích bao nhiêu thì ông không biết, do ông thiếu nợ bà Phạm Thị Út T nên ông có giao lại phần đất ruộng cho bà T canh tác và thỏa thuận khi nào ông có tiền thì ông sẽ chuộc lại, việc thỏa thuận này chỉ có ông và bà T biết. Phần đất bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông cầm cố chứ không phải sang nhượng. Tuy nhiên, ông không yêu cầu gì trong vụ án này, khi nào ông có tiền thì ông sẽ yêu cầu chuộc lại đất.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST, ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26; Điều 131; Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 166; Điều 189; Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Út T trả lại phần đất có diện tích 14.999 m², nằm trong thửa 502, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Long T, xã Tân L, Thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất của bà Lê Thị B, có số đo 76,70m.
- + Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 502, có số đo 86,50m.
- + Hướng Nam giáp Kênh thủy lợi, có số đo 190,20m.
- + Hướng Bắc giáp phần đất ông Hồ Văn T, bà Lê Thị B, có số đo 142m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 12/12/2018)

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA953857, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận GCN: CH00943, đối với phần đất có diện tích 14.999 m², nằm trong thửa 502, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Long T, xã Tân L, Thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân thị xã Ngã N cấp cho bà Phạm Thị Út T ngày 07/8/2015.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu ông Lê Văn Ng phải có trách nhiệm cùng với bà Phạm Thị Út T trả lại cho bà H phần đất có diện tích có diện tích 14.999 m², nằm trong thửa 502, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Long T, xã Tân L, Thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như đã nêu trong phần 1 của Quyết định này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 18/11/2019 nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng có đơn kháng cáo cùng nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Chấp nhận đơn kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H ngày 01/8/2018 và đơn khởi kiện bổ sung của bà H ngày 31/01/2019. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Ngã N thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số CA953857 do UBND thị xã Ngã N cấp ngày 07/8/2015 thửa đất số 502, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng. Điều chỉnh giao cho bà Phạm Thị Hồng H 15.000m² trong phần đất này. Xem xét, chuyển một phần nội dung có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm sang cơ quan điều tra có thẩm quyền, đề nghị khởi tố vụ án hình sự để xem xét các dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự như “Lạm dụng tín nhiệm và kê khai gian dối về nguồn gốc để chiếm đoạt tài sản của bà T” và các hành vi “làm sai lệch hồ sơ vụ án, ra bản án trái pháp luật của HĐXX sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H là ông Nguyễn Văn Q không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng không rút lại đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị Hồng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Lê Văn Ng, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST, ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Ngã N có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng Hồ Văn T, Phùng Thị H, Lê Thị B, Nguyễn Văn S, Kiều Văn B vắng mặt lần thứ hai không lý do. Xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa.

[3] Nội dung vụ án: Nguyên đơn H cho rằng phần đất đang tranh chấp trước đây là tài sản của bà được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị chia theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 18/QĐTTLH, ngày 10/7/1998 chia cho bà 15.000m², ông Nghiệp 15.000m² nhưng do ông Ng khó khăn về kinh tế phải nuôi con nên bà H giao 15.000m² đất của bà được chia cho ông Ng mượn canh tác khi nào cần thì bà lấy lại nhưng nay bà Phạm Thị Út T đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng nên bà Phạm Thị Hồng H yêu cầu bà Phạm Thị Út T phải trả lại phần đất này, bà yêu cầu ông Ng cùng có trách nhiệm buộc bà T trả lại đất cho bà H và bà H yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T đối với phần đất có diện tích 14.999m² đã nêu trên. Bà Phạm Thị Út T thì cho rằng phần đất trên bà mua của ông Lê Văn Ng vào ngày 07/4/2001 với giá 06 lượng vàng 24K, khi đó ông Ng và bà H đã ly hôn, phần đất này là của ông Ng được chia khi ly hôn với bà H, từ khi mua đến nay bà H đã trực tiếp canh tác liên tục, sau khi chuyển nhượng đất của ông Ng thì bà còn chuyển nhượng thêm đất của ông Hồ Văn T một phần để làm nền nhà, hiện nay thì bà T đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà T không đồng ý trả lại theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Sự việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Út T trả lại phần đất có diện tích 14.999m² nằm trong thửa số 502, tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ số CA953857 đối với phần đất 14.999m² nằm trong thửa số 502, tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp Long T, xã Tân L, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu ông Lê Văn Ng phải có trách nhiệm cùng với bà Phạm Thị Út T trả lại cho bà H phần đất có diện tích nói trên. Sau khi xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị Hồng H và ông Lê Văn Ng không đồng ý với quyết định của cấp sơ thẩm nên cùng kháng cáo đề

ngộ hủy án sơ thẩm và đề nghị chuyển hồ sơ cơ quan điều tra để xử lý bà Phạm Thị Út T và Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[3.1] Xét về nguồn gốc đất: Bà H và ông Ng cho rằng phần đất này là mua của ông Kiều Văn C có tổng diện tích là 3ha vào năm 1986, đến năm 1998 thì vợ chồng bà ly hôn đã thỏa thuận mỗi người được chia là 15.000m² và sau khi chia thì bà H thấy hoàn cảnh kinh tế ông Ng khó khăn nên bà cho ông Ng mượn lại 15.000m² đất của bà được chia để ông Ng canh tác. Xét thấy, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 18/QĐTTLH, ngày 10/7/1998 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã giải quyết đối với bà Phạm Thị Hồng H và ông Lê Văn Ng (BL12) có nội dung “về tài sản đất canh tác 03ha loại đất hoang, tọa lạc tại ấp Long T, Tân Lanh Ng, chị H mỗi người được sử dụng 15.000m² (mười lăm ngàn) việc giao đất anh chị tự giao”. Trong quyết định thể hiện rõ vợ chồng có 3ha đất, không thể hiện rõ số thửa, vị trí đất cũng như đất mua của ai mà chỉ để đất hoang, đồng thời quyết định cũng thể hiện rõ việc “giao đất anh chị tự giao”, sau khi ly hôn năm 1998 thì ông Ng đã trực tiếp canh tác phần đất mà trước đây bà H, ông Ng đã chuyển nhượng của ông Kiều Văn C là phần đất mà hiện nay đang tranh chấp với bà Phạm Thị Út T. Còn phần bà H thì canh tác những thửa đất khác như đất cha mẹ cho, đất sang của bà Chín C, ... và diện tích đất cũng theo bà H thì trên 20.000m², cụ thể theo bà H trình bày tại buổi hòa giải ngày 06/7/2018 (BL14) có đoạn “Tôi sang phần đất cho ông G trên 20.000m² là chỗ khác không có liên quan đến phần đất mà tôi yêu cầu, phần này tôi sang của bà Chín C, sau đó tôi sang lại cho bà B vợ ông G, phần này là tài sản riêng của tôi không có liên quan đến ông Ng”, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm thì bà H cũng thừa nhận các phần đất này bà có đã lâu trước khi ly hôn với ông Ng năm 1998. Xét thấy, bà H và ông Ng chung sống với nhau từ năm 1986 nên quan hệ hôn nhân cũng như tài sản được xác lập theo luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, theo Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 có quy định “vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”. Vì vậy, tại thời điểm ly hôn năm 1998 thì bà H, ông Ng không chỉ có thửa đất mua của ông C mà còn nhiều thửa đất khác và quyết định ly hôn cũng ghi rõ vợ chồng tự thỏa thuận giao đất, nên sau khi ly hôn thì ông Ng canh tác phần đất mua của ông Kiều Văn C, còn bà H thì canh tác những thửa đất khác. Điều này cũng phù hợp với lời khai của bà Lê Thị B (BL280) “...Bà H, ông Ng mua phần đất của ông Kiều Văn C năm nào tôi không nhớ rõ, nhưng sau khi mua xong thì cho chồng tôi một phần, khi cho đất thì bà H và ông Ng vẫn còn sống chung, ...Theo tôi biết bà T mua mảnh đất của ông Ng hết toàn bộ khu đất” và cũng phù hợp với lời khai của ông Lê Văn Ng (BL 56), ông Phạm Văn T (BL 284, 285), ông Phạm Minh Đ (BL 286), ông Phạm Văn P (BL 287), ông Nguyễn Văn S (BL51) những người này là các anh em ruột của bà Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Út T và cũng phù hợp với phần đất thực tế bà Phạm Thị Út T canh tác diện tích theo đo đạc có tổng diện tích chỉ 17.113,4m² (phần bà H yêu cầu 14.086,7m², phần còn lại 3.026,7m²) không phải diện tích 3ha như bà H, ông Ng trình bày. Vì vậy, có cơ sở xác định phần đất bà H đang tranh chấp với bà T như nêu trên là phần đất vợ chồng bà H, ông Ng đã thỏa thuận giao cho ông Ng sau khi ly hôn và ông Ng có toàn quyền quyết định đối với phần đất này.

[3.2] Về quá trình sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất: Qua xác minh thì thấy rằng thời điểm trước khi ông C canh tác là đất hoang hóa, sau khi canh tác thì ông C bán lại cho ông Ng, bà H. Quá trình sử dụng Ông C, bà H, ông Ng điều không đăng ký quyền sử dụng ruộng đất theo quy định, tại biên bản xác minh ngày 13/01/2020 (BL 288) ông Cổ Thành Cui E là cán bộ địa chính viên - chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã N cung cấp “phần đất đang tranh chấp thửa đất 502, theo sổ dã ngoại đang lưu trữ thì diện tích là 24.600m² đất thuộc xã quản lý, đến năm 2015 bà Phạm Thị Út T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 20.235m², phần đất còn lại của thửa chưa được đăng ký quyền sử dụng đất” và tại biên bản xác minh ngày 23/9/2019 (BL169) ông Nguyễn Hải S cũng xác định “trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Út T thì phần đất này do Ủy ban nhân dân xã Tân L quản lý được thể hiện trên sổ bộ địa chính xã không phải đất của người dân đứng tên trong sổ địa chính”. Đồng thời, tại văn bản ngày 12/6/2019 của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Ngã N (BL 62) xác định “việc UBND thị xã Ngã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 953857 cho bà Phạm Thị Út T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Vì quá trình cấp giấy chứng nhận cho bà Phạm Thị Út T căn cứ vào nội dung phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 26/6/2015 đã được UBND xã Tân L xác nhận là không có tranh chấp. Do đó đề nghị giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phạm Thị Út T”. Bà H cho rằng phần đất này là của bà nhưng ngoài lời trình bày của bà thì bà không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Đối với lời khai của ông Lê Văn Ng có lúc trình bày phần đất này sau khi ly hôn đã được chia cho ông, có lúc lại khai phần đất này mượn của bà H 15.000m² và phần của ông thì ông cho bà T là không đúng thực tế vì phần đất hiện bà T sử dụng tổng cộng chỉ hơn 17.000m² đã bao gồm luôn cả phần đất bà H chuyển nhượng của ông T nên lời khai của ông Ng là không đáng tin cậy. Vì vậy, bà Hoa khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Út T trả lại phần đất trên cho bà là không có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H là đúng quy định pháp luật.

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ng cho rằng phần đất trên ông cầm cố cho bà Phạm Thị Út T chứ không phải chuyển nhượng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông không có yêu cầu độc lập và cũng không ai yêu cầu xem xét đối với phần đất còn lại của bà T được cấp giấy ngoài phần đất đang tranh chấp cũng như xem xét tính hợp pháp của giấy chuyển nhượng ngày 07/9/2001 nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4.4] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như đã phân tích trên thì thấy rằng phần đất bà T đang canh tác theo sổ sách quản lý của nhà nước là đất của xã quản lý nên việc cấp giấy thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Út T không ai tranh chấp đối với phần đất này. Đồng thời, do yêu cầu của bà H về việc đòi bà T trả đất không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Hồng H là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[5] Bà Phạm Thị Hồng H cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng trong việc giải quyết vụ án như: Không xem xét đầy đủ các chứng cứ của

các đương sự dẫn đến việc ra bản án thiếu công bằng, không khách quan, thiếu trung thực là không có căn cứ: bởi đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H như đã phân tích trên bà T thừa nhận có chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lê Văn Ng, tại thời điểm cấp giấy do đất này xã quản lý vì ông Ng, bà H không ai đứng tên trên sổ mục kê nên khi bà T đăng ký Ủy ban nhân thị xã Ngã N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Út T và Ủy ban thị xã Ngã N cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là đúng quy định. Mặc dù, việc cấp giấy cho bà T là cấp giấy lần đầu nhưng bà T thừa nhận có việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của cấp huyện; Đối với việc Tòa án không triệu tập ông Kiều Văn B tại phiên tòa ngày 4/11/2019 nhưng trong bản án thể hiện ông B có mặt, phiên tòa ngày 8/8/2019 có triệu tập ông B nhưng sau khi tạm dừng phiên tòa thì không triệu tập ông B để làm rõ nguồn gốc đất. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành lấy lời khai ông Kiều Văn B, đồng thời tại phiên Tòa ngày 08/8/2019 ông B cũng có mặt và cung cấp lời khai, sau phiên tòa tạm dừng và khi mở lại phiên tòa cấp sơ thẩm không triệu tập ông B tham gia là có thiếu sót, cũng như bản án thể hiện ông B có mặt tại phiên tòa ngày 30/10 và 4/11/2019 là có sai sót. Tuy nhiên, việc ông B vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, cũng như quyền lợi các đương sự vì ông B đã có lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày 8/8/2019. Mặt khác, về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất cũng đã được điều tra đầy đủ. Bản án sơ thẩm nhận định không phủ nhận nguồn gốc đất là của ông Kiều Văn C bán cho ông Lê Văn Ng nhưng quá trình sử dụng người dân không ai đăng ký thửa đất này nên trên sổ sách là đất do xã quản lý. Việc bà Phạm Thị Út T canh tác phần đất này là thông qua hợp đồng giao dịch với ông Lê Văn Ng và khi đăng ký quyền sử dụng đất không ai tranh chấp, cũng như bà H không chứng minh được phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nên cấp sơ thẩm không xem xét về tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Đồng thời, ông Ng, bà H cho rằng cấp sơ thẩm đã sử dụng lời khai của ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị B, ông Lê Thành Ng trong vụ án khác được giải quyết vào năm 2017 đưa vào vụ án này là không đúng quy định pháp luật. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ là trích lục các lời khai của những người làm chứng trong hồ sơ do cơ quan khác lưu trữ là đúng quy định và các chứng cứ này được giải quyết trong vụ án khác nhưng những lời khai này có liên quan đến việc xác định tài sản của ông Ng, bà H. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cấp sơ thẩm cũng lấy lời khai của bà B, ông Ng, ông S theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Vì vậy, ông Ng, bà H cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị Hồng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do kháng cáo của bà H, ông Ng không được chấp nhận nên bà H và ông

Ng phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê văn Ng. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 131; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 166; Điều 189; Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 ; khoản 1 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Út T trả lại phần đất có diện tích 14.999 m², nằm trong thửa 502, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Long T, xã Tân L, Thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất của bà Lê Thị B, có số đo 76,70m.
- + Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 502, có số đo 86,50m.
- + Hướng Nam giáp Kênh thủy lợi, có số đo 190,20m.
- + Hướng Bắc giáp phần đất ông Hồ Văn T, bà Lê Thị B, có số đo 142m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 12/12/2018)

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA953857, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận GCN: CH00943, đối với phần đất có diện tích 14.999 m², nằm trong thửa 502, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Long T, xã Tân L, Thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân thị xã Ngã N cấp cho bà Phạm Thị Út T ngày 07/8/2015.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu ông Lê Văn Ng phải có trách nhiệm cùng với bà Phạm Thị Út T trả lại cho bà H phần đất có diện tích có diện tích 14.999 m², nằm trong thửa 502, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Long T, xã Tân L, Thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như đã nêu trong phần 1 của Quyết định này.

4/ Về chi phí tố tụng:

4.1/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Hồng H phải chịu số tiền án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005073, ngày 26/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005173, ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4.2/ Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Phạm Thị Hồng H phải chịu số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Số tiền này bà H đã nộp đủ.

5. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng phải chịu mỗi người 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp 300.000 đồng và ông Ng đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số số 0007264, số 0007263 cùng ngày 18/11/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà H, ông Ng đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – Văn phòng – Tòa GĐNCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy